

Số: **44/2020/KDTM-ST**

Ngày: 28/ 9/2020

*V/v: Tranh chấp phát sinh
từ Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập;

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Oanh;

2. Ông Nguyễn Việt Chiến.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm - Thư
ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên
tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.***

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số:
10/2020/TLST-KDTM ngày 02/3/2020 về việc: “*Tranh chấp phát sinh từ Hợp
đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXX-ST ngày
17 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST-KDTM
ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 L. H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện
theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy
quyền: **Ông Đặng Hoàng H**, chức vụ: Trưởng phòng tín dụng; **Ông Đỗ Viết
H1**, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng Abank chi nhánh L (Theo Giấy ủy
quyền số 1379/UQ-NHN₀.LB-TH ngày 25/9/2020). (*Ông H, ông H1 đều có
mặt*).

Bị đơn: Công ty cổ phần T.

Trụ sở: NV1-07 Khu đô thị D, đường 70, phường T, quận N, thành phố
Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Xuân V**, chức vụ: Giám đốc.
(*Ông Việt vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Mạnh L, sinh năm 1976 ;

2. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Nhà C2, ngõ 261, T, quận T, thành phố Hà
Nội.

3. Lê Quang V, sinh năm 1980;

4. Bà Trịnh Thu T, sinh năm 1985;

5. Cháu Lê Gia M, sinh năm 2011;

6. Cháu Lê Gia L, sinh năm 2013;

Cùng địa chỉ: Căn hộ Chung cư Tòa B, chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội.

(Các cháu M, L do mẹ đẻ là bà Trịnh Thu T là người đại diện theo pháp luật)

7. Ông Lê Xuân V, sinh năm 1978;

8. Bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ 15, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/6/2016, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T (sau đây gọi tắt là “Bên vay”) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600327 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **35.540.000.000 đồng** (Ba mươi lăm tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mua sắm nguyên vật liệu, hàng hóa để thi công lắp đặt công trình theo kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2016. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **35.540.000.000 đồng** (Ba mươi lăm tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng chẵn); Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Ngày 22/6/2017, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201700030 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **9.677.700.000 đồng** (Chín tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Nhận nợ bắt buộc thanh toán hoàn trả tiền ứng trước theo thỏa thuận cấp bảo lãnh số 1220VAB170100003. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **9,677,700,000 đồng** (Chín tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng); Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tiếp theo, ngày 22/9/2016, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T (sau đây gọi tắt là “Bên vay”) đã thống nhất cùng ký Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600503 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **9.200.625.000 đồng** (Chín tỷ hai trăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Hoàn tiền tạm ứng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L theo Thư bảo lãnh số NN184600. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **9.200.625.000 đồng** (Chín tỷ hai trăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là:

- Tài sản thứ nhất:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 77A, tờ bản đồ số 02, Đội 2, xã T, huyện T, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2010 đứng tên chủ sử dụng ông Trần Mạnh L và bà Nguyễn Thanh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/11/2011 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 711/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Tài sản thứ hai:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 31, Tổ 15, phường V, quận H, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2005 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 61/PLK. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Tài sản thứ ba:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số ///, tờ bản đồ số ///, P2102, nhà B, khu nhà ở gia đình sỹ quan, thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội và Căn hộ Chung cư Tòa B, chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2011 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 458/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Đến hạn trả nợ nhưng bên vay không thanh toán được khoản nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay của bên vay chuyển thành nợ quá hạn.

Tạm tính đến hết ngày 05/08/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là: **72.927.918.841 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: **48.447.621.652 đồng**; Nợ lãi: **24.480.297.189 đồng** (lãi trong hạn: 15.321.191.985 đồng; lãi quá hạn: 9.159.105.203 đồng).

Abank Chi nhánh L đã nhiều lần đôn đốc Công ty cổ phần T trả nợ, nhưng Công ty cổ phần T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600327 ký ngày 23/6/2016, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201700030 ký ngày 22/6/2017, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600503 ký ngày 22/9/2016.

Nay Ngân hàng nghị Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm – thành phố Hà Nội giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần T phải trả số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký (tạm tính đến hết ngày 05/08/2020) là: **72.927.918.841 đồng** (*Bảy mươi hai tỷ, chín trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: **48.447.621.652 đồng** (Bốn mươi tám

tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi một nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng; Nợ lãi: **24.480.297.189 đồng** (*Hai mươi tư tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám chín đồng*) (lãi trong hạn: 15.321.191.985 đồng; lãi quá hạn: 9.159.105.203 đồng).

- Trong trường hợp Công ty cổ phần T không trả toàn bộ nợ gốc, lãi của các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là:

(1) Tài sản thứ nhất:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 77A, tờ bản đồ số 02, Đội 2, xã T, huyện T, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2010 đứng tên chủ sử dụng ông Trần Mạnh L và bà Nguyễn Thanh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/11/2011 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 711/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

(2) Tài sản thứ hai:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 31, Tờ 15, phường V, quận H, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2005 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 61/PLK. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

(3) Tài sản thứ ba:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số ///, tờ bản đồ số ///, P2102, nhà B, khu nhà ở gia đình sỹ quan, thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội và Căn hộ Chung cư Tòa B, chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2011 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 458/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Bị đơn là Công ty cổ phần T do ông Lê Xuân V là đại diện theo pháp luật trình bày:

Bị đơn xác nhận hai bên đã ký kết các Hợp đồng tín dụng với các thỏa thuận về khoản tiền vay, lãi suất, thời hạn cho vay đúng như nguyên đơn trình bày. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay thể hiện tại các Hợp đồng thế chấp nguyên đơn đã nộp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Trong trường hợp bị đơn không trả hết được toàn bộ số nợ đối với Ngân hàng thì bị đơn đồng ý, nhất trí để phía ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mạnh L trình bày:

Hiện ông và vợ là Nguyễn Thanh H đang quản lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Mô tả tài sản: Thửa đất số: 77A; Tờ bản đồ: 02; Địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện T, Hà Nội; Diện tích: 142,5 m²(Một trăm bốn mươi hai phẩy năm mét vuông). Vợ chồng ông đồng ý nếu trường hợp bị đơn vi phạm lộ trình trả nợ như trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm trên để thu nợ.

Bà Nguyễn Thanh H trình bày: Bà H đồng ý và nhất trí với ý kiến trình bày của chồng là ông Trần Mạnh L.

Tại bản tự khai tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân V trình bày:

Ông và vợ là bà Dương Thị Thúy H đang ở và quản lý nhà đất tại: Thửa đất số: 153; Tờ bản đồ: 31; Địa chỉ: Tổ 15, phường V, quận H, Hà Nội. Diện tích: 81 m² (Tám mươi một mét vuông). Ông bà đồng ý trường hợp bị đơn vi phạm lộ trình trả nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm trên để thu nợ.

Bà Dương Thị Thúy H trình bày: Bà đồng ý và nhất trí với ý kiến trình bày của chồng là ông Lê Xuân V.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang V trình bày:

Ông và vợ là bà Trịnh Thu T đang quản lý tài sản thế chấp là Căn hộ Chung cư Tòa B, chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội. Ông, bà đồng ý trường hợp bị đơn vi phạm lộ trình trả nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm trên để thu nợ.

Bà Trịnh Thu T trình bày: Bà đồng ý và nhất trí với ý kiến trình bày của chồng là Lê Quang V.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu cụ thể :

Yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử, cụ thể nợ gốc: **48.447.621.652 đồng**; Nợ lãi trong hạn và quá hạn: **25.590.604.093 đồng**.

Tổng cộng: **74.038.225.745 đồng**.

Trong trường hợp Công ty cổ phần T không trả toàn bộ nợ gốc, lãi của các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đề nghị kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thi hành án cho khoản vay.

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa triệu tập theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 30, 35, 68, 97 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71, bị đơn không chấp hành quy định tại điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Yêu cầu tòa án tạm dừng phiên tòa để xác minh làm rõ tài sản bảo đảm theo hợp đồng tín dụng hạn mức (xe ô tô và căn hộ N2A T.H, N. C) làm rõ tỉ lệ phù hợp đối với phần trăm tài sản bảo đảm trên giá trị bảo lãnh của từng tài sản. Đưa chủ sở hữu xe và chủ sở hữu căn hộ liên quan vào tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 16/12/2019, Abank khởi kiện đối với Công ty cổ phần T. Địa chỉ trụ sở: NV1-07 Khu đô thị D, đường 70, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty cổ phần T phải thanh toán tiền vay phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa 2 pháp nhân có đăng ký kinh doanh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về tố tụng: Tại phiên tòa, Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mạnh L, bà Nguyễn Thanh H, ông Lê Quang V, bà Trịnh Thu T, ông Lê Xuân V, bà Dương Thị Thúy H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ tài sản bảo đảm theo hợp đồng tín dụng hạn mức (xe ô tô và căn hộ N2A T. H, N. C) làm rõ tỉ lệ phù hợp với phần trăm tài sản bảo đảm trên giá trị bảo lãnh của từng tài sản. Đưa chủ sở hữu xe và chủ sở hữu căn hộ liên quan và tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, các tài sản bảo đảm trên đã được nguyên đơn và các chủ tài sản thỏa thuận, giải quyết trước khi thụ lý vụ án, nguyên đơn và các chủ tài sản không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm là không có căn cứ.

4. Về yêu cầu khởi kiện:

4.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn: Tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Ngày 23/6/2016, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600327 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **35.540.000.000 đồng**. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mua sắm nguyên vật liệu, hàng hóa để thi công lắp đặt công trình theo kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2016. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **35.540.000.000 đồng**; Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

- Ngày 22/6/2017, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201700030 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **9,677,700,000 đồng**. Mục đích sử dụng tiền vay: Nhận nợ bắt buộc thanh toán hoàn trả tiền ứng trước theo thỏa thuận cấp bảo lãnh số 1220VAB170100003. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **9,677,700,000 đồng**; Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

- Ngày 22/9/2016, Abank Chi nhánh L và Công ty cổ phần T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600503 và Phụ lục Hợp đồng với số tiền cho vay là: **9.200.625.000 đồng**. Mục đích sử dụng tiền vay: Hoàn tiền tạm ứng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L theo Thư bảo lãnh số NN184600. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền: **9.200.625.000 đồng**; Lãi suất trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất cho vay áp dụng với Hợp đồng tín dụng không thay đổi. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tổng số tiền vay của 03 Hợp đồng tín dụng là: 54.418.325.000 đồng.

Đến hạn phải thanh toán, do bên vay không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nên toàn bộ khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn. Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại các Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã khởi kiện đòi bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

Như vậy, yêu cầu đòi thanh toán tiền nợ của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc còn thiếu của 3 Hợp đồng tín dụng là: **48.447.621.652 đồng**.

Đối với khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận về lãi suất trong hạn và quá hạn giữa Ngân hàng và bên vay là phù hợp quy định của pháp luật và được bên vay chấp nhận, các bên không tranh chấp về cách tính lãi. Vì vậy, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 28/9/2020 (ngày xét xử) là: **25.590.604.093 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: **74.038.225.745 đồng**.

4.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay trên gồm:

Tài sản thứ nhất:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 77A, tờ bản đồ số 02, Đội 2, xã T, huyện T, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2010 đứng tên chủ sử dụng ông Trần Mạnh L và bà Nguyễn Thanh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/11/2011 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 711/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản thứ hai:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 31, Tổ 15, phường V, quận H, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2005 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 61/PLK. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản thứ ba:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số ///, tờ bản đồ số ///, P2102, nhà B, khu nhà ở gia đình sỹ quan, thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội và Căn hộ Chung cư Tòa B, chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2011 đứng tên chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 458/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp giữa các bên đã ký kết trên đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ cho Abank nếu Công ty cổ phần T không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 342; Điều 343; khoản 7 Điều 351; Điều 355; Điều 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 1, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty cổ phần T về “*Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng*”.

2/ Xác nhận tính đến ngày 28/9/2020 Công ty cổ phần T còn nợ của Ngân hàng N số tiền nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201600327, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 201700030, Hợp đồng tín dụng số 1220 LAV 20160050 và Phụ lục Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng N và Công ty cổ phần T. Cụ thể: Nợ gốc: **48.447.621.652 đồng**; Nợ lãi: **25.590.604.093 đồng**.

Tổng cộng: 74.038.225.745 đồng.

3/ Buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gồm các khoản nợ gốc và nợ lãi tổng cộng: **74.038.225.745 đồng** (Bảy mươi tư tỉ ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

4/ Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và cả phụ lục hợp đồng.

Trường hợp Công ty cổ phần T không thanh toán, hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 77A, tờ bản đồ số 02, diện tích 142,5m² tại Đội 2, xã T, huyện T, Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/7/2010, số BB002479, chủ sử dụng ông Trần Mạnh L và bà Nguyễn Thanh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/11/2011 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 711/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 31, diện tích 81m² tại Tò 15, phường V, quận H, Hà Nội đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2005, số AD 508330, chủ sử dụng ông Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 61/PLK. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: P2102, nhà B, khu nhà ở gia đình sỹ quan, thôn N, xã M, nay là Căn hộ Chung cư Tòa B, diện tích sàn 81,02m², chung cư X, tổ dân phố số 11, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/2011 số BĐ 829181, chủ sử dụng ông

Lê Xuân V và bà Dương Thị Thúy H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/12/2008 lập tại Phòng Công chứng số X thành phố Hà Nội số công chứng 458/TC. Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

5/ Về án phí: Công ty cổ phần T phải chịu: 182.038.226đ (*Một trăm tám hai triệu, ba mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí: 88.445.000đ (*Tám mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0009142 ngày 18/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Lập

